

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CAO LÃNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2025.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**
2. Ông **Lê Thanh Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Bích Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 622/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 654/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 06/TB-TA ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ A, ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Khánh L**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Khánh L qua thời gian tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã P vào ngày 22/6/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau này vợ chồng nhận thấy cả hai không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên đời sống hôn nhân không hoà hợp được. Chị T và anh L đã cố gắng dung hoà, tìm cách hoà giải, hàn gắn nhưng không được. Chị T và anh L đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hoà hợp, cả hai không hàn gắn được tình cảm, không thể chung sống hạnh phúc nên chị Trần Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Khánh L.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Khánh L đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- CCCD Trần Thị Thu T (bản photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Khánh L, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp E, xã P, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Khánh L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Khánh L.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Khánh L qua thời gian tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 22/6/2020 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống thì nay chị T yêu cầu ly hôn vì cho rằng cả hai không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên đời sống hôn nhân không hoà hợp được. Chị T và anh L đã cố gắng dung hoà, tìm cách hoà giải, hàn gắn nhưng không được. Chị T và anh L đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nhận thấy cả hai không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị Thu T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Khánh L. Về phía anh L là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các thông báo của Tòa án nhưng không có ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Như vậy, có căn cứ nhận định anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng như chị T trình bày là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu T.

- Về nuôi con: Chị T trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0009229 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2

Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu T.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Khánh L.

- Về nuôi con: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0009229 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Châu Văn Sang